|  |  |
| --- | --- |
| **TỈNH ỦY HƯNG YÊN**  \* | **ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM** |

**BÁO CÁO**

**Tổng kết 10 năm thực hiện Kết luận số 53-KL/TW ngày 05/8/2009**

**của Bộ Chính trị về Đề án An ninh lương thực quốc gia đến năm 2020**

-----

Căn cứ Công văn số 708-CV/BCSĐ ngày 31/01/2019 của Ban Cán sự Đảng Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc tổng kết 10 năm thực hiện Kết luận số 53-KL/TW ngày 05/8/2009 của Bộ Chính trị về Đề án an ninh lương thực Quốc gia đến năm 2020 (dưới đây gọi là Kết luận số 53-KL/TW); Ban Thường vụ Tỉnh ủy báo cáo kết quả như sau:

**Phần thứ nhất**

**KẾT QUẢ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN**

**I- QUÁ TRÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN**

Ngay sau khi Bộ Chính trị ban hành Kết luận số 53-KL/TW, Ban Thường vụ Tỉnh ủy chỉ đạo sao gửi Kết luận số 53-KL/TW đến các đồng chí Tỉnh ủy viên, các huyện ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy để tổ chức quán triệt, triển khai thực hiện. Chính quyền các cấp chỉ đạo các ngành liên quan kịp thời tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết số 63/NQ-CP ngày 23/12/2009 của Chính phủ về Đề án an ninh lương thực quốc gia (gọi tắt Nghị quyết số 63/NQ-CP).

Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp tổ chức hội nghị học tập, quán triệt, triển khai thực hiện Kết luận số 53-KL/TW, Nghị quyết số 63/NQ-CP đến toàn thể cán bộ, đoàn viên, hội viên; việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ trọng tâm của Kết luận số 53-KL/TW được lồng ghép vào các cuộc vận động, phong trào thi đua yêu nước. Các cơ quan truyền thông, đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên tích cực tuyên truyền đầy đủ, kịp thời những nội dung của Kết luận số 53-KL/TW, Nghị quyết số 63/NQ-CP đến các tầng lớp nhân dân bằng nhiều hình thức đa dạng, phong phú.

Nhìn chung, công tác quán triệt, triển khai thực hiện Kết luận số 53-KL/TW, Nghị quyết số 63/NQ-CP được thực hiện nghiêm túc, kịp thời, đồng bộ. Sau 10 năm triển khai thực hiện, Kết luận 53-KL/TW đã đi vào cuộc sống, nhận thức của cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân về vị trí, vai trò, tầm quan trọng đối với an ninh lương thực quốc gia được nâng lên; chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung, quy mô lớn, hiệu quả cao.

**II- KẾT QUẢ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN**

**1. Xây dựng quy hoạch và phát triển sản xuất đảm bảo an ninh lương thực quốc gia.**

***a) Quy hoạch chung***

*- Quy hoạch chung*: Ngày 25/7/2012, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 1349/QĐ-UBND về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch phát triển ngành nông nghiệp nông thôn giai đoạn 2011 - 2015, định hướng đến năm 2020 tỉnh Hưng Yên nhằm phát triển sản xuất, góp phần đảm bảo an ninh lương thực quốc gia; trong đó, tập trung phát triển các vùng sản xuất hàng hóa nhằm khai thác tiềm năng thế mạnh của địa phương; chuyển đổi mạnh cơ cấu cây trồng, mùa vụ, áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật về giống, công nghệ cao nhằm tăng năng suất, chất lượng, giảm giá thành, gia tăng giá trị và thích ứng biến đổi khí hậu; hình thành một số vùng nông nghiệp hàng hóa tập trung và nhiều mô hình liên kết trong sản xuất, tiêu thụ cho hiệu quả kinh tế khá rõ rệt,...

*- Quy hoạch quỹ đất trồng lúa*

+ UBND tỉnh đã trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất kỳ đầu (2011-2015) tỉnh Hưng Yên tại Nghị quyết số 62/NQ-CP ngày 23/5/2013, trong đó: diện tích đất nông nghiệp đến năm 2020 là 46.700ha, đất trồng lúa cần bảo vệ đến năm 2020 trên địa bàn toàn tỉnh là 35.000ha. Trong năm 2013, UBND tỉnh cũng đã phân bổ chỉ tiêu đất lúa cần bảo vệ và phê duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất kỳ đầu (2011-2015) của 10/10 huyện, thành phố. Kết quả thực hiện theo số liệu kiểm kê đến 31/12/2014, diện tích đất nông nghiệp là 61.019,63ha, diện tích đất lúa là 37.540,62ha, đảm bảo chỉ tiêu cần bảo vệ phục vụ cho mục tiêu an ninh lương thực. Tổng diện tích đất lúa chuyển mục đích trong nội bộ đất nông nghiệp giai đoạn 2010-2015 là 3.781,16ha, chuyển mục đích sang đất phi nông nghiệp là 916,03ha.

+ Căn cứ điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016-2020) cấp quốc gia được Quốc hội khóa XIII kỳ họp thứ 11 thông qua tại Nghị quyết số 134/2016/QH13 ngày 09/4/2016, UBND tỉnh Hưng Yên đã hoàn thiện điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016-2020) tỉnh Hưng Yên trên cơ sở các chỉ tiêu sử dụng đất quốc gia được Thủ tướng Chính phủ phân bổ tại Công văn số 1927/TTg-KTN ngày 02/11/2016 và nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương để Bộ Tài nguyên và Môi trường thẩm định trình Chính phủ phê duyệt tại Nghị quyết số 27/NQ-CP ngày 17/4/2018. Trong đó: diện tích đất nông nghiệp điều chỉnh đến năm 2020 là 45.700ha, diện tích đất lúa cần bảo vệ được điều chỉnh là 28.290ha. Trong năm 2018, UBND tỉnh đã phân bổ chỉ tiêu đất lúa cần bảo vệ và phê duyệt điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 của 10/10 huyện, thành phố.

*- Quy hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng/vật nuôi trên đất trồng lúa*

Căn cứcác Nghị định của Chính phủ: 142/2012/NĐ-CP ngày 11/05/2012, số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 về quản lý, sử dụng đất trồng lúa; số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 về sửa đổi bổ sung một số Điều của Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai và các văn bản hướng dẫn hiện hành; để lãnh đạo, chỉ đạo, hướng dẫn các địa phương, đơn vị liên quan triển khai thực hiện kịp thời, có hiệu quả các Nghị định, Nghị quyết của Chính phủ, Thông tư của Bộ NN & PTNT nêu trên, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 438/QĐ-UBND ngày 03/02/2015 về việc phê duyệt Kế hoạch khung về chuyển đổi từ trồng lúa kém hiệu quả sang trồng cây hàng năm, kết hợp chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản trên đất trồng lúa đến năm 2020; Quyết định số 635/QĐ – UBND ngày 05/3/2018 về việc phê duyệt Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng từ trồng lúa sang trồng cây hàng năm, cây lâu năm hoặc trồng lúa kết hợp nuôi truồng thủy sản trên đất trồng lúa từ năm 2018 đến năm 2020 để hướng dẫn các địa phương trong tỉnh tổ chức thực hiện.

***b) Về phát triển sản xuất***

- Cây lương thực: Tổng diện tích gieo trồng cây lương thực có hạt năm 2018 đạt 73.325 ha, giảm 17% so với năm 2009; sản lượng đạt 456,82 nghìn tấn (giảm so với năm 2009 là 89,4 nghìn tấn). So với các tỉnh khác trong vùng ĐBSH, năng suất lúa tỉnh Hưng Yên thuộc tốp đầu của vùng; hàng năm chủ động được trên 70% nhu cầu sử dụng giống lúa có chất lượng tốt cho nhân dân trong tỉnh; cơ cấu giống được bố trí phù hợp với từng vùng, từng trà vụ, đã góp phần tăng năng suất, chất lượng và hạn chế sâu bệnh; tỷ lệ lúa chất lượng cao đạt năm 2018 đạt 64,8%; sản xuất lúa gạo đã áp dụng các biện pháp kỹ thuật tiên tiến, thân thiện với môi trường, tăng cường ứng dụng cơ giới hóa, giảm chi phí và tổn thất,....Sản lượng lương thực có hạt bình quân đầu người năm 2010 là 497kg/người/năm; năm 2018 là 385,2 kg/người/năm, đảm bảo an ninh lương thực.

- Cây rau màu: Sản xuất rau màu đạt 12.939 ha, tăng 31,7% (3.114 ha) so năm 2009, sản lượng đạt trên 288 nghìn tấn; hiện có khoảng 50 ha được cấp chứng nhận đủ điều kiện sản xuất rau an toàn.

- Đối với cây ăn quả được xác định là những cây có lợi thế cạnh tranh, thị trường thuận lợi nên nhiều địa phương trong tỉnh đã mở rộng diện tích sản xuất, áp dụng nhiều tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, sản xuất theo tiêu chuẩn GAP để phục vụ nhu cầu người tiêu dùng, hướng tới xuất khẩu; diện tích cây ăn quả hiện đạt 10.494,65ha, trong đó khoảng 380ha được sản xuất theo tiêu chuẩn Vietgap[[1]](#footnote-1). Diện tích trồng nhãn năm 2018 đạt 4.469 ha (tăng 69% so với năm 2009), sản lượng đạt trên 40.000 tấn; thương hiệu Nhãn lồng “Hưng Yên” đã được Cục Sở hữu trí tuệ - Bộ Khoa học và Công nghệ cấp Giấy chứng nhận đăng ký chỉ dẫn địa lý với 04 khu vực*:* Thành phố Hưng Yên, huyện Khoái Châu, huyện Tiên Lữ, huyện Kim Động. Các loại cây ăn quả có sản lượng lớn (vải 950ha, chuối 2.158,73ha, cây có múi 2.558,5ha) đem lại giá trị và hiệu quả trong sản xuất.

**2. Phát triển cơ sở hạ tầng và khoa học công nghệ**

***a) Cơ sở hạ tầng***

*- Hệ thống thủy lợi***:** Hạ tầng thủy lợi, đê điều từng bước được tăng cường, củng cố theo hướng hiện đại, đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu sản xuất: Từ năm 2009 đến năm 2018, toàn tỉnh đã đầu tư xây dựng mới 12 trạm bơm, kiên cố hóa hàng trăm km kênh mương; thực hiện 32 dự án đê điều, thủy lợi với tổng kinh phí trên 1.000 tỷ đồng; mỗi năm tỉnh hỗ trợ tiền thủy lợi phí trên 160 tỷ đồng; diện tích tưới tiêu đạt trên 91%; các xã đã cơ bản bàn giao công trình trạm bơm dã chiến và kênh mương nội đồng về Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi tỉnh. Đến nay, nhìn chung hệ thống thủy lợi của tỉnh cơ bản đáp ứng năng lực phòng chống thiên tai, sẵn sàng ứng phó với biến đổi khí hậu trong điều kiện bình thường và đáp ứng yêu cầu tưới, tiêu, phục vụ nhu cầu sản xuất và dân sinh, góp phần quan trọng trong công tác xây dựng nông thôn mới (toàn tỉnh có 139 xã đạt tiêu chí nông thôn mới về thủy lợi).

*- Về hệ thống cơ sở chế biến và bảo quản***:** Những năm qua, ngành chế biến nông, lâm sản đã tạo ra các sản phẩm đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của thị trường; một số sản phẩm chế biến đặc thù của tỉnh đã và đang trở thành sản phẩm hàng hóa nổi tiếng cả nước, từng bước vươn ra thị trường thế giới, như long nhãn, hạt sen,... các cơ sở chế biến nông sản của tỉnh không ngừng tăng trưởng [[2]](#footnote-2).

***b) Khoa học công nghệ***

- Thực hiện khảo nghiệm, chọn tạo nhiều giống mới có năng suất, chất lượng cao, chống chịu với biến đổi khí hậu và dịch bệnh được đưa vào sản xuất, như: Giống lúa Thiên Ưu 8, Nếp thơm Hưng Yên; giống nhãn PHM 99-2.1, PHM 99-1.1; giống vải trứng lai; giống gà Đông Tảo, gà Đông Tảo lai; giống bò lai Laisind x Brahman; Laisind x Droughmaster,…; ứng dụng có hiệu quả công nghệ nano bạc để hạn chế tác hại của côn trùng, chống rụng quả và nứt quả trên cây nhãn, công nghệ xử lý rơm, rạ sau thu hoạch bằng chế phẩm sinh học; sử dụng phân bón vi sinh Power Ant, thụ tinh nhân tạo giống bò, giống gà Đông Tảo, công nghệ “nuôi cá sông trong ao nước tĩnh”; hỗ trợ xây dựng 01 nhà nuôi cấy mô tế bào quy mô 60 m2 và nhà nhân giống khí canh quy mô 400 m2 để nghiên cứu, sản xuất các loại giống cây ăn quả, cây rau màu (chuối, khoai tây...) phục vụ nhu cầu giống tốt, sạch bệnh trong và ngoài tỉnh,....

- Triển khai thực hiện xây dựng hàng trăm mô hình, dự án khuyến nông[[3]](#footnote-3) thông qua các chương trình, dự án từ Trung ương, địa phương, các nguồn vốn hỗ trợ của tổ chức nước ngoài; tổ chức tập huấn, chuyển giao tiến bộ khoa học, kỹ thuật mới trong sản xuất nông nghiệp cho nông dân, góp phần nâng cao nhận thức, tăng năng suất, chất lượng và thu nhập.

- Cơ giới hóa trong sản xuất nông nghiệp tiếp tục được quan tâm, đẩy mạnh. Đến nay, cơ giới hóa khâu làm đất đạt 100%, khâu thu hoạch đạt 93,8%, cơ giới hóa trong chăn nuôi đạt khoảng 65%, có khoảng 65% số hộ, trang trại chăn nuôi xử lý ô nhiễm môi trường chăn nuôi bằng đệm lót sinh học, hầm biogas.

**3. Đào tạo nguồn nhân lực**

Công tác đào tạo nguồn nhân lực cho nông nghiệp, nông thôn được các cấp, các ngành quan tâm thực hiện. Giai đoạn 2009-2018, tỷ lệ lao động qua đào tạo trung bình 48,4%/năm (riêng năm 2018, đã giải quyết việc làm cho 22.500 lao động, đào tạo nghề cho 53.497 người, tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 60%) qua đó góp phần quan trọng tạo việc làm, chuyển đổi cơ cấu lao động và giảm nghèo ở khu vực nông thôn.

**4. Chính sách đối với nông dân, địa phương và doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh lúa gạo.**

- Ngày 21/7/2017, HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết số 105/2017/NQ-HĐND quy định mức thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh; theo đó, mức thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa = tỷ lệ phần trăm (%) (x) diện tích (x) giá của loại đất trồng lúa; trong đó:

a) Tỷ lệ phần trăm (%) xác định mức thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh: 50%.

b) Diện tích là phần diện tích đất chuyên trồng lúa nước chuyển sang đất phi nông nghiệp ghi cụ thể trong quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất từ đất chuyên trồng lúa nước sang đất phi nông nghiệp của cơ quan có thẩm quyền (m2 ).

c) Giá của loại đất trồng lúa tính theo Bảng giá đất đang được áp dụng tại thời điểm chuyển mục đích sử dụng đất do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.

- Ngày 24/12/2015 UBND tỉnh ban hành Quyết định số 2486/QĐ-UBND về việc hỗ trợ sản xuất nông nghiệp giai đoạn 2016-2020. Theo đó, hàng năm tỉnh hỗ trợ hàng chục tỷ đồng cho người nông dân mua giống lúa mới để đưa vào sản xuất nhằm tăng năng suất, giảm sâu bệnh, nâng cao hiệu quả sản xuất.

- Các chính sách của Nhà nước (Luật Đất đai năm 2013; Nghị định số 35/2015/NĐ-CP về quản lý, sử dụng đất trồng lúa; Thông tư 18/2016/TT-BTC và các văn bản liên quan khác) về ưu đãi tài chính cho người dân trồng lúa được tỉnh chú trọng thực hiện nhằm khuyến khích người dân tham gia, phát triển trong sản xuất nông nghiệp, như: giao đất không thu tiền sử dụng đất, miễn giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất cho người trồng lúa…

**5. Đổi mới tổ chức sản xuất:**

Việc đổi mới và xây dựng các hình thức tổ chức sản xuất, dịch vụ được quan tâm thực hiện, đến nay nhiều mô hình tổ chức sản xuất, dịch vụ hoạt động có hiệu quả (chủ yếu là tổ hợp tác, hợp tác xã)[[4]](#footnote-4). Bên cạnh việc tạo điều kiện về đất đai, đào tạo, tập huấn về quản lý hợp tác xã, tỉnh còn tăng cường thực hiện các chính sách hỗ trợ khoa học - công nghệ trong sản xuất, chế biến, xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu tập thể và đẩy mạnh xúc tiến thương mại, tìm kiếm thị trường tiêu thụ nông sản hàng hóa.

**III. ĐÁNH GIÁ CHUNG**

**1. Thành tựu đạt được**

- Tỉnh luôn đảm bảo được khối lượng lương thực, đáp ứng nhu cầu của người dân; đã thực hiện công tác quy hoạch đất trồng cây lương thực, chủ yếu là trồng lúa và khuyến khích mở rộng diện tích, sản lượng các loại cây lương thực khác cùng với các loại cây rau màu.

- Quan tâm đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng cho sản xuất nông nghiệp, bao gồm các hệ thống thủy lợi, hệ thống đường bộ, đầu tư cho nghiên cứu và ứng dụng tiến bộ khoa học - công nghệ trong nông nghiệp nói chung và cây lương thực nói riêng. Các tiến bộ khoa học kỹ thuật phục vụ sản xuất lương thực hàng hóa gắn với xuất khẩu được áp dụng rộng rãi. Công nghệ sinh học phát triển, đặc biệt là nhiều giống lúa lai, ngô lai đã đưa vào sản xuất; công nghệ tưới tiêu, làm đất, phân bón, bảo quản sau thu hoạch... ngày càng tiến bộ, góp phần tích cực vào thâm canh tăng năng suất cây lương thực theo yêu cầu thị trường.

- Dành nhiều sự quan tâm trong việc nâng cao khả năng tiếp cận nguồn lương thực cho người dân; kênh phân phối lương thực không ngừng được mở rộng và hoàn thiện.

**2. Những vấn đề còn tồn tại của việc đảm bảo an ninh lương thực của tỉnh**

- Sự an toàn, chất lượng của nguồn lương thực cung ứng còn hạn chế. Đối với mặt hàng lương thực như gạo, ngô,..., nguy cơ mất an toàn vệ sinh thực phẩm chủ yếu do tồn dư thuốc bảo vệ thực vật trong sản phẩm.

- Phương thức sản xuất lương thực vẫn còn nhiều hạn chế và bất cập. Quy mô ruộng đất trồng lúa bình quân đầu người quá ít lại giảm dần, đơn vị sản xuất lương thực chủ yếu là hộ gia đình nông dân, tính chất sản xuất lại phân tán, ruộng đất manh mún; năng suất lúa, ngô tăng trưởng không đều và không vững.

- Các hoạt động dịch vụ cung ứng vật tư, tưới tiêu, thu gom lương thực hàng hóa do hợp tác xã, tổ kinh tế hợp tác và các doanh nghiệp tư nhân, thương lái thực hiện. Trong khi đó, các chính sách và cơ chế quản lý các tổ chức dịch vụ lại chưa hoàn thiện, nên người nông dân vẫn chịu thiệt thòi nhiều mặt; tình trạng ép giá vẫn còn phổ biến.

- Thu nhập từ xuất khẩu lương thực còn thấp.

- Đầu tư cho công nghệ bảo quản và chế biến lương thực chưa được chú ý. Do đó, tổn thất sau thu hoạch vẫn còn cao; sản phẩm không đồng đều cả về hình thức lẫn chất lượng, dẫn đến giá thành sản phẩm thấp.

**3. Bài học kinh nghiệm**

***-*** *Thứ nhất,*phát huy vai trò của cả hệ thống chính trị vì mục tiêu an ninh lương thực, làm rõ trách nhiệm cụ thể của các tổ chức trong triển khai thực hiện; thực hiện tốt công tác tuyên truyền, vận động, làm cho cán bộ, đảng viên và nhân dân nhận thức rõ ý nghĩa của vấn đề an ninh lương thực; huy động sức mạnh cũng như gắn với trách nhiệm cá nhân từng người, từng tổ chức trong hệ thống chính trị.

*- Thứ hai*, đề cao vai trò tiên phong gương mẫu của cán bộ, đảng viên, trước hết là người đứng đầu các cấp, các ngành. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của cấp ủy, chính quyền các cấp phải chủ động, sáng tạo, quyết liệt; biết lựa chọn các phần việc mang tính đột phá, bức xúc để tập trung thực hiện; chú trọng việc sơ, tổng kết, rút kinh nghiệm, xây dựng phong trào thi đua, xây dựng điển hình tiên tiến để nhân rộng; kịp thời khen thưởng những tập thể và cá nhân có thành tích xuất sắc trong đảm bảo an ninh lương thực.

*- Thứ ba*, phải làm tốt công tác quy hoạch; quy hoạch từng loại cây trồng, phù hợp theo thổ nhưỡng từng vùng, phát huy lợi thế so sánh của từng vùng, phát triển cả trồng trọt, chăn nuôi và ngành nghề nông thôn tạo vùng sản xuất hàng hóa tập trung quy mô lớn; công tác quy hoạch phát triển nông nghiệp, nông thôn gắn với việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi phù hợp với kinh tế thị trường.

*- Thứ tư*, phải đa dạng hóa nguồn lực đầu tư, nhất là việc huy động nguồn lực từ cộng đồng là chính. Vốn nhà nước đầu tư cho các công trình thiết yếu có sức lan tỏa, tạo động lực và niềm tin cho toàn xã hội và người dân tham gia. Khai thác, kết hợp lồng ghép nhiều nguồn vốn đầu tư, phải khơi dậy và huy động các nguồn lực trong dân; việc huy động nguồn lực trong dân phải phù hợp, khắc phục khuynh hướng trông chờ, ỷ lại vào ngân sách nhà nước cũng như huy động quá mức trong dân.

*- Thứ năm*, đẩy mạnh ứng dụng các tiến bộ khoa học công nghệ, tạo bước đột phá cho chuyển dịch cơ cấu kinh tế, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả sản xuất nông nghiệp. Quan tâm đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ giỏi, có tâm huyết trên lĩnh vực nông nghiệp. Tập trung các giải pháp để nâng cao trình độ dân trí, trình độ sản xuất kinh doanh, kiến thức kinh tế thị trườn*g* và khả năng tiếp cận thích ứng của người dân trước sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế, sự thay đổi nhanh chóng của cơ chế thị trường; đẩy mạnh công tác khuyến nông, nâng cao năng lực cán bộ khuyến nông các cấp, nhất là khuyến nông viên cơ sở.

*- Thứ sáu*,thường xuyên làm tốt công tác kiểm tra, giám sát, kịp thời phát hiện những tồn tại, khó khăn để giải quyết; duy trì việc giao ban định kỳ, sơ kết, tổng kết đánh giá sâu từng vấn đề chưa đạt được (hoặc đạt chưa đáp ứng yêu cầu) để rút ra bài học kinh nghiệm, đề ra giải pháp phù hợp, thực hiện có hiệu quả.

**Phần thứ hai**

**QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU VÀ NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP**

**ĐẢM BẢO AN NINH LƯƠNG THỰC ĐẾN NĂM 2025 VÀ 2030**

**I- BỐI CẢNH**

**1. Về bối cảnh trong nước và quốc tế**

***1.1. Bối cảnh trong nước***

Hưng Yên là tỉnh có nhiều tiềm năng, lợi thế để phát triển kinh tế. Nằm trong vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, vùng Thủ đô Hà Nội, Hưng Yên có sức lan tỏa lớn trong quá trình phát triển của cả vùng.

Theo quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2020, tỉnh Hưng Yên phấn đấu phát huy cao nhất tiềm năng, lợi thế; khai thác, sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực để duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế cao; tập trung đầu tư xây dựng, tạo bước đột phá về kết cấu hạ tầng, phát triển công nghiệp và dịch vụ; coi trọng phát triển nông nghiệp công nghệ cao, gắn với xây dựng nông thôn mới để phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân khoảng 12 - 13,2% giai đoạn 2016 - 2020; GDP bình quân đầu người đạt trên 4.300 USD vào năm 2020; tổng vốn đầu tư trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2016 - 2020 khoảng 65,9% tổng giá trị gia tăng ...

Để trở thành một tỉnh công nghiệp vào năm 2020, đòi hỏi ngành nông nghiệp Hưng Yên cần tiếp tục đẩy nhanh việc ứng dụng các thành tựu KH&CN để nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nâng cao đời sống nhân dân, nhất là đối với bộ phận dân cư ở khu vực nông thôn.

***1.2. Bối cảnh quốc tế***

Nhiều báo cáo từ các tổ chức quốc tế trên thế giới cho rằng, khu vực châu Á - Thái Bình Dương trong giai đoạn 2011 - 2020 tiếp tục là đầu tàu tăng trưởng trên thế giới với sự phát triển mạnh mẽ của Trung Quốc, Hàn Quốc, Australia và các nước Đông Nam Á. Theo dự báo của Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB), từ nay cho đến năm 2030, các nền kinh tế của khu vực châu Á - Thái Bình Dương tiếp tục có những tăng trưởng khá, ảnh hưởng trực tiếp đến sự tăng trưởng kinh tế của Việt nam, vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ.

Năm 2018: theo các cam kết, Việt Nam đã có 6 cam kết FTA song phương và đa phương, Việt Nam sẽ phải từng bước cắt giảm thuế quan đối với hàng ngàn mặt hàng xuống còn 0-5%, chủ yếu là 0% và mở cửa thị trường trong nước rộng rãi cho nhập khẩu. Mức độ tự do hóa thương mại cam kết trong FTA giữa Việt Nam và ASEAN, giữa ASEAN và Nhật Bản, ASEAN và Trung Quốc cao hơn nhiều so với mức cam kết gia nhập WTO (Tổ chức Thương mại Thế giới). Đây là thách thức lớn cho nền kinh tế quốc gia và các doanh nghiệp cả nước nói chung, với tỉnh Hưng Yên nói riêng. Bên cạnh những thách thức lớn, FTA cũng sẽ mang lại cơ hội lớn để các doanh nghiệp, vì đây là cơ hội đẩy mạnh xuất khẩu sang các nước tham gia FTA với Việt Nam.

**2. Về bối cảnh, điều kiện kinh tế - xã hội, dân số, lao động của tỉnh**

- Với tốc độ đô thị hóa tăng nhanh ở mức 1,9%/năm (tương tự như tốc độ tăng của giai đoạn 2016 - 2020) đến năm 2020 có khoảng 15% dân số Hưng Yên sẽ sống ở đô thị. Ước tính trong giai đoạn 2016 - 2020, dân số Hưng Yên sẽ tăng trung bình 0,5%/năm (đạt 1,193 triệu dân năm 2020). Sau năm 2020 dự kiến có 2 - 3 khu công nghiệp mới và 10 cụm công nghiệp được đầu tư xây dựng hạ tầng đi vào hoạt động, giai đoạn 2021- 2030 tốc độ tăng trưởng bình quân đạt 0,75%/năm, dân số dự kiến đạt 1.286.400 người.

- Đến năm 2020, căn cứ theo số việc làm mới được tạo ra trong tỉnh thì lực lượng lao động sẽ tăng lên thành 764.000 người. Cơ cấu lao động tiếp tục chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng lao động ngành dịch vụ và giảm tỷ trọng lao động ngành nông nghiệp. Tỉ lệ lao động đã qua đào tạo sẽ tăng lên 89% nhờ phối hợp tăng cường với các đơn vị đào tạo tư nhân để phát triển lực lượng lao động sẵn sàng làm việc. Với sự gia tăng cơ giới hóa trong ngành nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản đòi hỏi một bộ phận lớn hơn lao động nông nghiệp có tay nghề, mức tăng hàng năm 1,1% đến năm 2020 và giảm về nhu cầu lao động thủ công cho các nghề sơ cấp, giảm 6%/năm đến năm 2020.

**II- QUAN ĐIỂM VỀ ĐẢM BẢO AN NINH LƯƠNG THỰC CỦA TỈNH TRONG TÌNH HÌNH MỚI**

1. Vấn đề an ninh lương thực quốc gia phải nằm trong quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, gắn với mục tiêu công nghiệp hóa, hiện đại hóa và giải quyết vấn đề nông nghiệp, nông dân, nông thôn, trong đó giảm nghèo, tạo việc làm, tăng thu nhập cho người dân là quan trọng, góp phần bảo đảm vững chắc an ninh lương thực quốc gia.

2. Phát triển sản xuất nông nghiệp toàn diện, hiệu quả, giá trị gia tăng cao, bền vững là cơ sở bảo đảm an ninh lương thực quốc gia; gắn sản xuất với các hình thức tổ chức phù hợp để đáp ứng đầy đủ, kịp thời nhu cầu lương thực thực phẩm trong mọi tình huống; gắn an ninh lương thực với an ninh dinh dưỡng, nâng cao dinh dưỡng, cải thiện chất lượng bữa ăn của nhân dân.

3. Phát huy lợi thế về cây lúa là chính và phát triển lương thực, thực phẩm thành các vùng sản xuất hàng hoá có hiệu quả và sức cạnh tranh cao; đẩy mạnh cơ giới hoá, chế biến, bảo quản theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá và bảo vệ môi trường bền vững

4. Tổ chức tốt hệ thống mua, bán và dự trữ ở các địa phương trong tỉnh, tạo thuận lợi cho mọi người dân tiếp cận dễ dàng về lương thực, thực phẩm với chất lượng, hiệu quả ngày càng cao.

5. Phát huy nguồn lực của nhân dân và các thành phần kinh tế là chính, nhà nước hỗ trợ tích cực trong việc đảm bảo an ninh lương thực quốc gia; bảo đảm thu nhập cho người sản xuất lương thực và tạo điều kiện cho các địa phương thuần nông phát triển.

**III- MỤC TIÊU**

**1. Mục tiêu chung:**

Đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 phải đảm bảo đủ nguồn cung cấp lương thực với sản lượng cao hơn tốc độ tăng dân số; nâng cao chất lượng bữa ăn.

**2. Mục tiêu cụ thể**

Trong bối cảnh diện tích canh tác lúa của tỉnh ngày càng bị thu hẹp để giành đất cho các yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, trong khi đó dân số tiếp tục gia tăng và yêu cầu sử dụng l­ương thực của thị trường có xu hướng đòi hỏi chất lượng ngày càng cao. Do vậy, định hướng phát triển sản xuất lương thực của tỉnh Hưng Yên đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030 phải đảm bảo sự tăng trưởng không chỉ về lượng mà còn cả về chất trên cơ sở khai thác hợp lý và nâng cao hiệu quả sử dụng đất bằng tăng vụ, tăng năng suất và tăng cơ cấu sản xuất gạo chất lượng cao. Đến năm 2020, tổng sản lượng lương thực bình quân đầu người đạt 476kg/người/năm (đến năm 2030 đạt 518kg/người/năm)

**IV- NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU**

**1. Về quy hoạch chung và quy hoạch đất trồng lúa**

Quy hoạch sản xuất lương thực của tỉnh trên cơ sở phát huy lợi thế của từng vùng, sử dụng hiệu quả tài nguyên đất, nước; trong đó, chú trọng quy hoạch các vùng sản xuất lương thực có sản lượng lớn về lúa gạo, ngô,  rau đậu, cây ăn quả, sản phẩm thủy sản và chăn nuôi để đảm bảo thực hiện các mục tiêu về an ninh lương thực quốc gia. Theo đó, đến năm 2020, diện tích gieo trồng lúa cả năm đến năm 2020 (định hướng đến năm 2030) ổn định 42.310 ha, năng suất trung bình đạt 61,0 tạ/ha; sản lượng lúa toàn tỉnh là 258 ngàn tấn năm 2020; đến năm 2030 năng suất trung bình 60,0 tạ/ha ( tỷ lệ lúa chất lượng cao đạt trên 80%), sản lượng dự kiến 254 ngàn tấn thóc; diện tích trồng ngô dự kiến 3.000 ha, sản lượng đạt 18.000 tấn (Năm 2030 diện tích ngô dự kiến giảm còn 2.000 ha, sản lượng đạt 14.000 tấn); diện tích rau, đậu các loại đạt khoảng 15.000 ha (vụ Đông từ 6.500 - 7.000ha), sản lượng đạt 345.000 tấn; tổng diện tích cây ăn quả toàn tỉnh khoảng 14.000 ha (đến năm 2030 khoảng 17.000 ha); chăn nuôi đạt sản lượng thịt hơi các loại 159,3 nghìn tấn, trứng gia cầm 300 triệu quả; sản lượng thủy sản 39.425 tấn.

**2. Về phát triển cơ sở hạ tầng và khoa học công nghệ**

***a) Phát triển cơ sở hạ tầng***

- Tiếp tục đầu tư, xây dựng mới và tu bổ hệ thống công trình thủy lợi đảm bảo tưới tiêu chủ động cho 100% đất lúa và tăng diện tích có tưới đối với rau, màu, cây ăn quả.

- Đẩy mạnh đầu tư nâng cấp và xây dựng mới hệ thống đê điều hiện có; chuẩn bị đối phó với tình trạng nước biển dâng.

- Đối với những vùng sản xuất lương thực tập trung, hoàn thiện hệ thống thủy lợi kết hợp với kiến thiết lại đồng ruộng và xây dựng giao thông nội đồng, tạo điều kiện thuận lợi để áp dụng các tiến bộ khoa học, kỹ thuật, cơ giới hóa nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất hàng hóa.

***b) Phát triển và ứng dụng khoa học công nghệ***

- Tăng cường năng lực cho công tác nghiên cứu khoa học, khuyến nông, thông tin và hợp tác quốc tế liên quan đến an ninh lương thực.

- Chọn tạo và sản xuất đủ giống cây trồng, giống vật nuôi, giống thủy sản có năng suất, chất lượng cao, đặc biệt các giống cây trồng có khả năng chống chịu với điều kiện không thuận lợi như chống hạn, chịu ngập, giống cây trồng biến đổi gen để phục vụ nhu cầu sản xuất.

- Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng cơ giới hóa đồng bộ từ sản xuất đến thu hoạch, bảo quản, chế biến. Đối với cây lúa, thúc đẩy nhanh cơ giới hóa khâu thu hoạch để giảm thất thoát, đến năm 2020 thực hiện thu hoạch bằng máy đạt 100%.

- Xây dựng các vùng sản xuất an toàn dịch bệnh, các vùng sản xuất ứng dụng công nghệ cao, các vùng sản xuất tập trung áp dụng quy trình thực hành sản xuất tốt (GAP), phát triển kinh tế vườn. Áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến đối với các cơ sở bảo quản, chế biến. Khẩn trương triển khai các giải pháp thích ứng với biến đổi khí hậu có ảnh hướng đến an ninh lương thực.

**3. Đào tạo nguồn nhân lực**

- Đào tạo, nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật, cán bộ khuyến nông và cán bộ quản lý sản xuất kinh doanh lương thực các cấp; đưa nội dung an ninh lương thực quốc gia vào các trường học.

- Tăng cường đào tạo nông dân về khoa học kỹ thuật và kiến thức quản lý theo phương thức phù hợp để nâng cao hiệu quả sản xuất lương thực và tăng thu nhập.

**4. Thực hiện đồng bộ chính sách** giảm dần tốc độ tăng tự nhiên của dân số, tiến tới mục tiêu ổn định dân số, nhất là khu vực nông thôn; tiếp tục đầu tư cho các chương trình giảm nghèo, lao động việc làm ở khu vực nông thôn để tăng thu nhập và cải thiện đời sống, cải tiến bữa ăn của dân cư nông thôn theo hướng giảm dần lượng gạo, tăng thực phẩm khác để giảm cầu lương thực tiêu dùng cho bữa ăn.

**5. Tiếp tục hoàn thiện các loại hình tổ chức sản xuất** lương thực theo hướng liên kết nông hộ để hình thành các tổ chức hợp tác, hợp tác xã theo địa bàn hoặc sản phẩm; tạo điều kiện gắn sản xuất với doanh nghiệp tiêu thụ; phát triển kinh tế trang trại, doanh nghiệp sản xuất lương thực, nông dân góp cổ phần bằng giá trị quyền sử dụng đất để tham gia doanh nghiệp; phát triển mạng lưới cung ứng các dịch vụ nông nghiệp.

Ban Thường vụ Tỉnh ủy trân trọng báo cáo./.

1. Nhãn 179ha, Cam 141ha, Vải 60ha được sản xuất theo tiêu chuẩn VietGap; trong đó, có 02 vùng sản xuất nhãn với 20,79ha được cấp mã số xuất khẩu sang thị trưỡng Mỹ (thành phố Hưng Yên 9,97ha và huyện Khoái Châu 10,82ha). [↑](#footnote-ref-1)
2. Đến năm 2018, toàn tỉnh Hưng Yên có gần 4.000 cơ sở. Một số cơ sở chế biến quy mô lớn như: Công ty TNHH đầu tư và phát triển công nghệ An Đình, Công ty cổ phần thực phẩm Đức Việt, Công ty TNHH triệu sơn, Công ty TNHH CBNSTPXK Tường Lân,… [↑](#footnote-ref-2)
3. Các mô hình điển hình trình diễn, giới thiệu chuyển giao kỹ thuật: Mô hình ứng dụng chế phẩm sinh học xử lý rơm, gốc rạ; chuyển đổi cơ cấu sản xuất lúa; thâm canh vải theo hướng Vietgap; nhân giống bò chuyên thịt bằng phương pháp thụ tinh nhân tạo; chăn nuôi gà Đông Tảo; nuôi cá Diêu Hồng theo hướng VietGap,... [↑](#footnote-ref-3)
4. Đến hết năm 2018, toàn tỉnh có 253 hợp tác xã nông nghiệp, bình quân 31 thành viên/HTX; có 653 trang trại, trong đó: 31 trang trại trồng trọt, 528 trang trại chăn nuôi, 18 trang trại nuôi trồng thủy sản, 76 trang trại tổng hợp. [↑](#footnote-ref-4)